



CK.0000064968

AM THỊ PHƯƠNG THÁI (Chủ biên)

NGUYỄN THỊ MÙI - VŨ THỊ MÙI



NGHI LỄ TANG MA CỦA NGƯỜI SÁN DÌU

Từ góc nhìn văn hóa

Sách tặng

GUYÊN
C. LIEU



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	5
Chương 1. Khái quát về người Sán Dìu ở Việt Nam	8
1.1. Nguồn gốc và địa bàn cư trú.....	8
1.1.1. Nguồn gốc	8
1.1.2. Địa bàn cư trú.....	11
1.2. Vài nét văn hóa tộc người Sán Dìu.....	13
1.2.1. Tổ chức xã hội.....	14
1.2.2. Nhà ở và trang phục truyền thống.....	15
1.2.3. Hát Soọng cô.....	20
1.3. Văn hóa của người Sán Dìu dưới góc độ tín ngưỡng tâm linh	21
1.4. Vị trí của tang ma trong chu kì vòng đời.....	27
Chương 2. Nghi thức trong tang lễ của người Sán Dìu	30
2.1. Những nghi thức chung trong tang ma của người Sán Dìu.....	30
2.1.1. Nghi lễ tắm rửa cho người chết (<i>sáy sin bi sý lão nhín</i>)	30
2.1.2. Lễ báo tang, phát tang (<i>bạo hạo, vạt hạo</i>)	31
2.1.3. Nghi lễ đón thầy cúng (<i>tánh say hu</i>).....	32
2.1.4. Nghi lễ cúng áo quan (<i>nam còn soi</i>)	33
2.1.5. Nghi lễ khâm liệm (<i>học liệm</i>)	34
2.1.6. Nghi lễ đưa ma ra đồng (<i>sựt cúí</i>).....	34
2.1.7. Nghi lễ hạ huyết (<i>hạ hoệt</i>).....	36
2.1.8. Nghi lễ làm ma (<i>chụ cúí</i>).....	37
2.2. Cách thức tiến hành làm ma cho từng trường hợp	41
2.2.1. Nghi lễ làm ma cho người học thầy	41
2.2.2. Nghi lễ làm ma cho phụ nữ có con	55
2.2.3. Nghi lễ làm ma cho người chết bất thường.....	57

2.2.4. Nghi lễ tang ma của người không học thầy	59
2.2.5. Nghi lễ tang ma của trẻ em	62
Chương 3. Nét đặc sắc trong nghi lễ tang ma người Sán Dìu	65
3.1. Tinh hồn dung tôn giáo - tín ngưỡng thông qua hệ thống tranh thờ.....	66
3.1.1. Tranh thờ trong tín ngưỡng dân gian các dân tộc thiểu số, Việt Nam.....	66
3.1.2. Tranh thờ trong tang ma người Sán Dìu	69
3.1.3. Biểu hiện tính hồn dung của tôn giáo - tín ngưỡng bản địa thông qua hệ thống tranh thờ.....	80
3.2. Dấu ấn Phật giáo qua lễ giải oan phá ngục trong tang lễ của người phụ nữ Sán Dìu.....	86
3.2.1. Trình tự tiến hành việc phá ngục.....	87
3.2.2. Dấu ấn Phật giáo trong lễ phá ngục	91
3.3. Hành trang của người chết mang về thế giới bên kia.....	96
3.3.1. Con dao cùn.....	97
3.3.2. Niêu đất	100
3.3.3. Lương chính - gánh nước	102
KẾT LUẬN	106
PHỤ LỤC	109
TÀI LIỆU THAM KHẢO	1126

LỜI MỞ ĐẦU

1. Hành trình nhân sinh của đời người là một chặng đường dài mà trên đó, có những đoạn, những khúc, những ngã rẽ và những trạm nghỉ chân nối tiếp. Từ khi ở *cữ, đầy tháng, thôi nôi, đặt tên, cúng mụ...* đến lúc “tam thập nhi lập” tính chuyện “tậu trâu - cưới vợ - làm nhà”, rồi *khao vọng, vinh quy, làm cai, lên lão, mừng thọ, trăm tuổi, thay áo, đoạn tang...* Mỗi đoạn đường lại được đánh dấu bằng một nghi lễ nhất định. Trong hệ thống những nghi lễ vòng đời đó, đám tang là điểm dừng chân cuối cùng, kết thúc chặng đường nhân sinh, khởi đầu cho hành trình phiêu du của linh hồn về với tổ tiên, lên *mường trời* hay xuống *mường ma, địa phủ*.

Nghiên cứu văn hóa tộc người không thể bỏ qua đặc trưng nghi lễ vòng đời với ba cột mốc quan trọng: sinh đẻ, cưới, tang ma. Khó lòng phân biệt trọng khinh, chính thứ... Song có thể nhận định rằng, ở hầu hết các tộc người, nghi lễ tang ma luôn có vai trò quan trọng hàng đầu gắn với những nghi thức kéo dài và phức tạp. Nguyên nhân không phải chỉ ở tâm lí ứng xử đạo đức “nghĩa tử là nghĩa tận” mà còn bởi quan niệm tâm linh khi cho rằng nghi thức đám tang sẽ quyết định vận mệnh của người ra đi và tiền đồ của những người ở lại.

Tang ma là một trong những yếu tố cấu thành diện mạo văn hóa. Thời gian có phủ mờ lên vạn vật, làm thay đổi nhiều giá trị vật chất, tinh thần nhưng vai trò của đám tang thì dường như vẫn còn nguyên vẹn ý nghĩa truyền thống bởi nó bắt nguồn từ căn nguyên đạo đức thiện lương và những quan niệm tín ngưỡng bền chặt. Nếu như sức khỏe của sản phụ

và em bé là mục đích hàng đầu của những quy ước, phong tục trong sinh đẻ, hạnh phúc lứa đôi và thái độ đánh giá của cộng đồng khiến nhà trai, nhà gái làm đúng phong tục hôn nhân thì yếu tố đạo đức - tín ngưỡng lại là nguyên nhân chủ yếu để gia đình tang chủ và người đến viếng tuâm thủ nghiêm ngặt nghi thức đám ma. Họ tin rằng, nếu đám ma không đúng lệ tục, dễ xảy ra sai sót trong quá trình thực hiện thì người chết sẽ không được đủ đầy, thoải mái, khó siêu thoát, vất vưởng, bơ vơ, còn người ở lại thì mãi sống trong áy náy, có thể gặp rủi ro, vận hạn.

2. Văn hóa tang ma với đầy đủ nguyên tắc và kiêng kỵ là vùng quan tâm của nhóm nghiên cứu chúng tôi. Giải mã những bí ẩn trong đám tang sẽ giúp chúng ta thấu hiểu hơn vấn đề về văn hóa tộc người, từ quan niệm vũ trụ đến nhận thức tín ngưỡng và triết lý nhân sinh. Trong quá trình tiếp cận văn hóa dân tộc từ hiện tượng cụ thể ấy, những giá trị văn hóa sẽ dần được phát lộ rõ hơn.

Trên địa tầng văn hóa các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc, văn hóa tang ma là một mảng màu đa sắc. Giữa những cái chung trong quan niệm linh hồn bất tử, vai trò đặc biệt của đội ngũ thầy cúng, niềm tin sự tác động của cái chết đến đời sống cộng đồng... là vô số những đặc trưng riêng mang dấu ấn của mỗi tộc người. Một đám ma lộng lẫy cờ phướn của người Mông ở Sừ Pa Phìn - Lào Cai, 12 đêm mo huyền bí với lễ tế quạt trước quan tài độc đáo của người Mường, màn hóa trang và múa đầu lâu đậm chất phồn thực và dấu ấn huyền tế của người Lô Lô, chiếc túi thu hồn theo sát thầy tào Sán Chi... tất cả đã làm nên diện mạo đặc sắc cho bức tranh văn hóa tang ma của các dân tộc thiểu số trên những thung lũng và rẻo cao phía Bắc Việt Nam.

3. Nghiên cứu nghi lễ tang ma của các tộc người thiểu số hấp dẫn, song không ít những gian nan. Nếu như việc sinh đẻ có kì, có cữ, chuyện cưới xin, cấp sắc phải tính kĩ ngày tháng cụ thể, rõ ràng thì sự chết chóc là việc do ông Trời sắp đặt. Có những đám tang chúng tôi may mắn được

chúng kiến từ đầu đến cuối, nhưng cũng có những lần mà nhóm nghiên cứu tới nơi cũng chỉ kịp vái người mất một lần rồi hạ huyệt. “Phục kích” để tìm hiểu phong tục tang ma một cách trực tiếp là một công việc khá vất vả, đòi hỏi sự kiên trì vượt qua mọi khó khăn từ nhiều phiền phức của chúng tôi.

Và cuối cùng, công trình của chúng tôi được hoàn thành sau những chuyến điền dã trên nhiều địa bàn cư trú của tộc người Sán Chi, với sự chứng kiến trực tiếp một số đám tang tương ứng với ba trường hợp: *người chết là đàn ông không học thầy, người chết là người phụ nữ đã qua sinh nở, người chết là người học thầy cúng*. Chúng tôi nhận thấy rằng, người Sán Diu đặc biệt coi trọng cách thức tổ chức tang ma, bởi tang ma không chỉ là công việc tiễn đưa một linh hồn về thế giới bên kia mà còn thể hiện cách ứng xử truyền thống gắn với những quan niệm tộc người về thế giới quan, nhân sinh quan, vũ trụ quan. Nghi lễ tang ma của người Sán Diu diễn ra với nhiều khâu đoạn, các bước tiến hành riêng biệt mang đặc trưng của tộc người, chứa đựng nhiều giá trị văn hóa đặc sắc. Tang chế của người phụ nữ có con, hệ thống tranh thờ và những vật thiêng người mất mang theo chính là nét đặc sắc nhất trong nghi lễ tang ma của người Sán Diu, chứa đựng tính thiêng và nhiều ẩn số văn hóa. Đó cũng là điểm mà chúng tôi hướng tới trên con đường khám phá nét đẹp văn hóa của tộc người này.

Cuốn sách chuyên khảo của chúng tôi có sự kế thừa kết quả nghiên cứu và ý kiến góp ý của nhiều nhà khoa học và đặc biệt là sự hợp tác, giúp đỡ nhiệt thành của các cộng tác viên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên... Rất mong nhận được ý kiến chia sẻ, đóng góp của độc giả gần xa để lần tái bản, bổ sung sau được hoàn thiện hơn.

NHÓM TÁC GIẢ

Chương 1

KHÁI QUÁT VỀ NGƯỜI SÁN DIU Ở VIỆT NAM

1.1. Nguồn gốc và địa bàn cư trú

1.1.1. Nguồn gốc

Trong cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam, Sán Diu là một tộc người có nguồn gốc di cư từ vùng Quảng Đông - Trung Quốc. Người Sán Diu hay còn biết đến với cái tên tự nhận - Sán Dẻo Nhín (phiên âm Hán Việt là Sơn Dao Nhân - người Dao sống trên núi). Từ tên gọi này, có thể giả thiết tộc người Sán Diu là một nhánh của tộc người Dao - Trung Quốc (khảo sát thành phần dân tộc Trung Quốc, trong 56 dân tộc không có tên gọi Sán Diu). Vậy cái tên Sán Diu xuất hiện từ khi nào? Phải chăng đó là cách phiên âm Việt hóa của tên gọi Sán Dẻo thành Sán Diu trong quá trình tộc người này định cư tại Việt Nam. Bên cạnh tên gọi Sán Diu thông dụng, tộc người này còn được biết đến với những tên gọi khác (Trại Đất, Mán Quần Cộc, Mán Váy Xè, Sán Nhiều, Slán Dao, Diu Miền, Kiềm Miền, Mán...). Trong suốt một thời gian dài, người Sán Diu và nhóm Cao Lan - Sán Chay nằm trong một sự đồng nhất về văn hóa và tính chất tộc người do vấn đề tộc danh và địa vực cư trú quy định. Tuy nhiên đến nay, vấn đề này đã được minh định rõ ràng hơn. Các nhà nghiên cứu thống nhất xếp Sán Diu thuộc ngữ hệ Hán - Tạng (Hoa, Thái, Sán Diu).

Theo một số tài liệu của các nhà nghiên cứu (Lê Quý Đôn, Bùi Đình, Ma Khánh Bằng, Diệp Trung Bình, Trần Mạnh Thường, Trần Quốc Hùng...), gốc gác tổ tiên người Sán Dìu là một nhánh của tộc người Dao cư trú ở khu vực tỉnh Quảng Đông - Trung Quốc. Giả thuyết khoa học cho rằng, từ rất xa xưa, tộc người Dao (Trung Quốc) bị những người Hán phía Bắc xâm lấn, thống trị nên đã phân tán thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm một nơi. Một nhánh tộc người này cư trú tại Quảng Đông và cánh họ là tổ tiên của người Sán Dìu. Do những điều kiện địa lý, văn hóa của khu vực định cư, bộ phận người Dao - Quảng Đông này đã hình thành những đặc trưng về tổ chức cộng đồng, tính cách văn hóa có nét phân biệt với tộc người Dao tiền thân. Quảng Đông thuộc vùng văn hóa Hoa Nam, địa hình mang tính chất bán sơn địa (đồng bằng Hoa Nam ở giữa, phía Bắc là dãy Ngũ Lĩnh, phía Nam là núi rừng trùng điệp), khí hậu ẩm ướt mang tính cận nhiệt đới. Đây là địa bàn cư trú của các dân tộc Bách Việt, mang đậm yếu tố văn hóa gốc nông nghiệp. Do vậy, tính chất nông nghiệp đã ăn sâu vào phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Sán Dìu. Có lẽ do những tương đồng về các mặt điều kiện khí hậu, cảnh quan môi trường... giữa khu vực Quảng Đông với các tỉnh trung du miền núi phía Bắc Việt Nam nên trong quá trình di thực, tộc người Sán Dìu đã lựa chọn các tỉnh Quảng Ninh, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Kạn... là điểm dừng chân, xây dựng cuộc sống.

Qua tìm hiểu gia phả các dòng họ, truyện dân gian người Sán Dìu trong quá trình di dân, kết hợp các tài liệu của các nhà nghiên cứu đi trước, có thể xác định người Sán Dìu đã lưu tán vượt biên giới Việt - Trung, có mặt và trở thành một bộ phận của cộng đồng dân tộc Việt Nam từ khoảng cuối thế kỉ XVII - đầu thế kỉ XVIII. Trong tác phẩm *Kiến văn tiểu lục*, Lê Quý Đôn (1723 - 1782) đề cập đến tộc người Sơn Man (có thể phỏng đoán đây chính là Sơn Dao tức Sán Dìu) có nguồn gốc ở vùng

Lĩnh Bắc thuộc Bách Việt di cư về Lĩnh Nam (Việt Nam) từ hơn 300 năm nay. Sự xác tín về mặt nguồn gốc còn được thể hiện qua các truyện dân gian lưu truyền rộng rãi trong tộc người Sán Diu như truyện thơ *Vũ Nhi*, truyền thuyết *Vua Cóc*... Trong các truyện, địa danh như Tân Châu, Linh Sơn, Hà Nam... được nhiều lần nhắc đến như một sự nhấn mạnh về khởi nguyên địa lý của tộc người này. Theo gia phả của gia đình ông Lê Hữu Nhất, xã Dân Chủ, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, tổ tiên họ xa kia có nguồn gốc tại thôn Phong Lưu, xã Bách La, huyện Phương Thành, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Vào đời Càn Long (triều Thanh) di cư sang Việt Nam, đến nay đã 13 đời (trên dưới 300 năm). Theo gia phả của dòng họ Lê này, người đầu tiên dẫn con cháu di cư đến Việt Nam là ông Lê Dực Tiến. Và Quảng Ninh là điểm định cư đầu tiên của họ tại Việt Nam. Sau đó, họ di cư tới huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Đến đời cụ Lê Hữu Nhất lại chuyển đến Đồng Hỷ - Thái Nguyên.

Khi lựa chọn Việt Nam là quê hương thứ hai, người Sán Diu không chỉ định cư ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc mà còn đánh dấu sự xác tín về mặt địa lý của mình ở một số tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên. Nhìn trên bình diện đương đại, quá trình di thực từ Trung Quốc sang Việt Nam của người Sán Diu là một sự lựa chọn và tìm đến một miền đất mới - miền đất nhằm thỏa mãn nguyện vọng về một cuộc sống hòa bình, ấm no trong dòng giống của tộc người này từ khi còn sinh sống ở các đồng cỏ phương Nam.

Tiếng nói của tộc người Sán Diu thuộc ngữ hệ Hán - Tạng (Hloa, Thái, Sán Diu). Theo như giả thuyết của các nhà khoa học, người Sán Diu là một nhánh của người Dao tại Quảng Đông. Do sống lâu đời bên cạnh tộc người Hán, mặt khác do yêu cầu về mặt chọn lọc văn hóa sao cho thuận lợi cho quá trình sinh tồn, nhóm người Dao này dần dần quên tiếng mẹ đẻ, tiếp thu chữ Hán tạo ra chữ viết riêng cho dân tộc mình. Trong luận án tiến sĩ *Ngữ âm Sán Diu ở Việt Nam*, Nguyễn Thị Kim

Thoa đã bước đầu khẳng định sự tương đồng giữa ngôn ngữ Sán Diu và thổ ngữ Hán Quảng Đông trên cơ sở tương ứng về mặt ngữ âm giữa ngôn ngữ Sán Diu và phương ngữ Khách Gia - Quảng Đông, có thể xảy ra ở âm đầu, âm chính hay phần cuối của âm tiết. Với tổng số từ được so sánh là 212 từ, có 66,03% từ có hình thức ngữ âm tương ứng với phương ngữ Khách Gia. Tuy có nguồn gốc và nói tiếng Quảng Đông nhưng người Sán Diu đã định cư lâu đời, được công nhận là một thành viên không thể thiếu trong đại gia đình 54 dân tộc Việt Nam.

Như vậy, có thể hình dung rằng, tộc người Sán Diu vốn cư trú lâu đời ở nước ta hiện nay có nguồn gốc từ miền Nam Trung Quốc, thuộc hệ ngôn ngữ Hán - Tạng. Từ khoảng thế kỷ XVII - XVIII đã di cư sang Việt Nam và trở thành một thành phần các dân tộc Việt Nam.

1.1.2. Địa bàn cư trú

Người Sán Diu cư trú rải rác ở các tỉnh thuộc khu vực đất liền Việt Nam, trong đó chủ yếu quần cư ở phía Bắc, là một dân tộc chiếm tỉ lệ khá đông đảo trong cộng đồng thiểu số Việt Nam. Theo tổng điều tra dân số và nhà ở ngày 01 tháng 04 năm 2009, người Sán Diu ở Việt Nam có dân số 146.821 người (chiếm 0,171% dân số cả nước), trong đó: Thái Nguyên (44.131 người), Vĩnh Phúc (36.821 người), Bắc Giang (27.283 người), Quảng Ninh (17.946 người), Lâm Đồng (622 người), Đắk Nông (617 người).

Theo nhà nghiên cứu Diệp Trung Bình, khu vực trung du miền núi Bắc Bộ mà người Sán Diu đang sinh sống là một vòng cung nở lớn ở phía Tây và nhỏ dần về phía Đông, giống như cái “lưỡi rìu xéo”. “Lưỡi rìu” này nằm trên đất của các tỉnh Hà Tây, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Giang, Quảng Ninh; bao gồm các huyện Lập Thạch, Tam Dương, Kim Anh, Đa Phúc (Vĩnh Phúc, Phú Thọ); Yên Sơn, Sơn Dương (Tuyên Quang); Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương, Đồng Hỷ (Thái Nguyên); Hiệp Hòa, Tân Yên, Lạng Giang, Lục Nam, Lục Ngạn,